

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985, nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: Thôn C Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T qua tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T) vào ngày 26/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2012 vợ chồng cùng vào tỉnh Bình Dương làm ăn, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt, anh T không tôn trọng chị, mà có quan hệ ngoại tình với người khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T nhiều lần hành hung, đánh đập chị. Vì còn chị đã cố gắng chịu đựng, nhưng anh T không thay đổi tính cách, nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 chị và con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2008, con hiện đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân năm 2021. Nguyên vọng chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Chị H trình bày hiện tại chị đang làm lao động tự do ở địa phương với thu nhập hàng tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2024 con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H) cho thuận tiện sinh hoạt, nếu bố mẹ ly hôn.

Bị đơn là anh Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 27/6/2024, đại diện UBND xã T cho biết: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T) vào ngày 26/7/2007. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2008, con hiện đang ở với chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, không chấp hành các quyết định của Tòa án, không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2008 cho chị Vũ Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Văn T, cư trú tại: Thôn B P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2007. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2015 vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do giữa vợ chồng không còn có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau trong gia đình, bất đồng về quan điểm, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2021 vợ chồng đã ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H

một mục đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn, còn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2008.

Xét: Quá trình giải quyết vụ án, chị H có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con, trong khi anh T không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến về nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 10/5/2024 con chung là cháu Như Ý cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H); hơn nữa thực tế hiện nay con đang ở với chị H từ khi vợ chồng ly thân năm 2021 đến nay, đã được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đỗ Văn T không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. *Về con chung*: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn T có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2008.

Giao con chung là Đỗ Ngọc Như Ý cho chị Vũ Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005085 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Vũ Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến